

何と言っていますか。a、b、cの中から正しいものを選んでください。

What is the person saying? Select the appropriate answer: a, b or c. / 听所说的什么? 请在 a, b, c 中选择正确答案。 / Nhân vật trong đoạn hội thoại đang nói gì? Hãy chọn câu trả lời đúng từ các câu a, b, c.

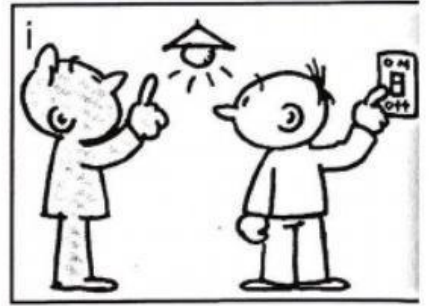
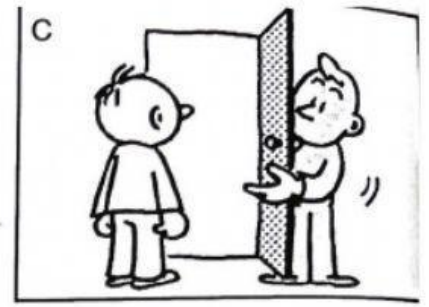
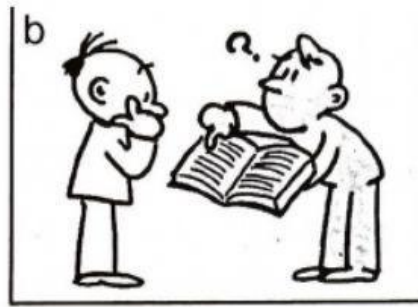
例

- ① a. かって
b. かけて
c. かい

- ② a. かし
b. けし
c. けす



- | | | | |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| ① a. して
b. して
c. しい | ⑤ a. おぎ
b. おって
c. おきて | ⑨ a. くして
b. かし
c. けして | ⑬ a. いつて
b. いいて
c. いって |
| ② a. とべて
b. どめて
c. たべて | ⑥ a. かって
b. かんて
c. かて | ⑩ a. おんで
b. よんで
c. よって | ⑭ a. かつて
b. かい
c. かって |
| ③ a. かえって
b. かえて
c. かえんて | ⑦ a. のって
b. のいで
c. のんで | ⑪ a. まて
b. まつて
c. まって | ⑮ a. つわって
b. すわいて
c. すわって |
| ④ a. すかって
b. つくって
c. つかって | ⑧ a. きって
b. きて
c. きいて | ⑫ a. だして
b. でして
c. だって | |



例

1	2
d	a

練習

1	2	3	4	5	6	7	8